TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ TÂY NINH** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 77/2020/QĐST-HNGĐ	*Thành phố Tây Ninh, ngày 17 tháng 3 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 80/2020/TLST/HNGĐ ngày 21 tháng 02 năm 2020, giữa:

Nguyên đơn: Chị Phạm Thị Thùy V, sinh năm 1992.

Địa chỉ hộ khẩu thường trú: Đường ĐNC, khu phố N, phường B, thành phố TN, tỉnh Tây Ninh.

Địa chỉ cư trú: Ấp R, xã TĐ, huyện GD, tỉnh Tây Ninh.

Bị đơn: Anh Nguyễn Xuân T, sinh năm 1988.

Địa chỉ hộ khẩu thường trú: Số nhà 131/4, tổ 12, khu phố Ninh An, phường Ninh Sơn, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh.

Địa chỉ cư trú: Đường TP, khu phố NT, phường NS, thành phố TN, tỉnh Tây Ninh.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 81, 82, 83, 84, 110, 117 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 09 tháng 3 năm 2020.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 09 tháng 3 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Phạm Thị Thùy V và anh Nguyễn Xuân T.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về con chung: Anh chị thống nhất giao 01 con chung tên là Nguyễn Phạm Khả U, sinh ngày 19/10/2018 cho chị V trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Ghi nhận anh T cấp dưỡng nuôi con số tiền 2.000.000 đồng/tháng (Hai triệu đồng/tháng). Thời gian bắt đầu cấp dưỡng từ ngày 01/4/2020 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung theo quy định pháp luật, không ai được cản trở.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền cấp dưỡng, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2.2. Về tài sản chung: Chị V, anh T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.3. Về nợ chung: Chị V, anh T trình bày không có.

2.4. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm:

Chị Phạm Thị Thùy V tự nguyện chịu 300.000 đồng (gồm án phí ly hôn và án phí cấp dưỡng nuôi con) nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí khởi kiện chị đã nộp theo biên lai thu số 0002301 ngày 21/02/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh. Chị V đã nộp đủ án phí.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- PKTNV-TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND TP.TN;
- CCTHADS TP.TN;
- UBND P3, TP.TN;
- Các đương sự;
- Lưu HS, tập án.

THẨM PHÁN
(Đã ký)

Bùi Thị Liên